

Số: 394/2024/QĐST-DS

Bình Chánh, ngày 28 tháng 6 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 20 tháng 6 năm 2024 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 385/2024/TLST-DS ngày 13 tháng 5 năm 2024.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng P; trụ sở: Đường L, phường B, Quận M, TP. Hồ Chí Minh.

- Đồng bị đơn: Ông Nguyễn Ngọc C, sinh năm 1987; địa chỉ: Tổ M, ấp S, xã T, huyện B, TP. Hồ Chí Minh.

- Đồng bị đơn: Bà Trần Thị M, sinh năm 1988; địa chỉ: Tổ M, ấp S, xã T, huyện B, TP. Hồ Chí Minh.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Anh T, sinh 1964; địa chỉ: Tổ M, ấp S, xã T, huyện B, TP. Hồ Chí Minh.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Võ Thị U, sinh 1968; địa chỉ: Tổ M, ấp S, xã T, huyện B, TP. Hồ Chí Minh.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:⁽⁵⁾

Ngân hàng P và ông Nguyễn Ngọc C, bà Trần Thị M cùng thống nhất số tiền nợ tạm tính đến hết ngày 20/6/2024 là 2.096.759.423 đồng (hai tỷ không trăm chín mươi sáu triệu bảy trăm năm mươi chín ngàn bốn trăm hai mươi ba đồng), trong đó:

- Khoản nợ của ông Nguyễn Ngọc C, bà Trần Thị M theo Hợp đồng tín dụng số TDCN22013308/2022/PDU/HĐTD ngày 27/6/2022 và kế ước nhận nợ số TDCN22013308/2022/PDU/KUNN ngày 30/6/2022 gồm: Nợ gốc: 1.883.872.000 đồng, nợ lãi: 141.817.303 đồng.

Ông Nguyễn Ngọc C, bà Trần Thị M có nghĩa vụ thanh toán số tiền nêu trên cho Ngân hàng P trước ngày 20/12/2024.

- Khoản nợ của ông Nguyễn Ngọc C theo Giấy đề nghị kiêm Hợp đồng mở, sử dụng thẻ tín dụng số 0367/2022/TTD ngày 10/10/2022 là: 71.070.120 đồng.

Ông Nguyễn Ngọc C có nghĩa vụ thanh toán số tiền nêu trên cho Ngân hàng P trước ngày 20/12/2024.

Ngân hàng P và ông Nguyễn Ngọc C, bà Trần Thị M cùng thống nhất phương án trả nợ như sau:

- Đối với khoản nợ theo Hợp đồng tín dụng số TDCN22013308/2022/PDU/HĐTD ngày 27/6/2022 và khế ước nhận nợ số TDCN22013308/2022/PDU/KUNN ngày 30/6/2022: Từ ngày 20 đến ngày 25 dương lịch của các tháng 7, 8, 9, 10, 11 năm 2024, mỗi tháng ông Nguyễn Ngọc C, bà Trần Thị M cùng có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng P số tiền 2.000.000 đồng. Bắt đầu thực hiện nghĩa vụ trả tiền từ ngày 20/7/2024.

- Đối với khoản nợ theo Giấy đề nghị kiêm Hợp đồng mở, sử dụng thẻ tín dụng số 0367/2022/TTD ngày 10/10/2022: Từ ngày 20 đến ngày 25 dương lịch của các tháng 7, 8, 9, 10, 11 năm 2024, mỗi tháng ông Nguyễn Ngọc C có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng P số tiền 500.000 đồng. Bắt đầu thực hiện nghĩa vụ trả tiền từ ngày 20/7/2024.

- Từ ngày 20 đến ngày 25 dương lịch của tháng 12 năm 2024, ông Nguyễn Ngọc C, bà Trần Thị M cùng có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng P toàn bộ số tiền nợ còn lại theo Hợp đồng tín dụng số TDCN22013308/2022/PDU/HĐTD ngày 27/6/2022 và khế ước nhận nợ số TDCN22013308/2022/PDU/KUNN ngày 30/6/2022 với số tiền là 2.015.689.303 đồng; ông Nguyễn Ngọc C có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng P toàn bộ số tiền nợ còn lại theo Giấy đề nghị kiêm Hợp đồng mở, sử dụng thẻ tín dụng số 0367/2022/TTD ngày 10/10/2022 với số tiền là 68.570.120 đồng.

Kể từ ngày 21/6/2024 cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp ông Nguyễn Ngọc C, bà Trần Thị M không trả được khoản nợ theo Hợp đồng tín dụng số TDCN22013308/2022/PDU/HĐTD ngày 27/6/2022 và khế ước nhận nợ số TDCN22013308/2022/PDU/KUNN ngày 30/6/2022 thì Ngân hàng P được quyền tự xử lý hoặc yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý toàn bộ tài sản đảm bảo gồm: phần đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 711, tờ bản đồ số 31, tọa lạc tại xã T, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh (theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BN 778549, số vào sổ cấp GCN: CH03014 do Ủy ban nhân dân huyện B, TP. Hồ Chí Minh cấp ngày 23/8/2013) và phần đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 529; tờ bản đồ số 31; địa chỉ: xã T, huyện B, TP. Hồ Chí Minh (theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BH 909523, số vào sổ cấp GCN: CH01738 do Ủy ban nhân dân huyện B, TP. Hồ Chí Minh cấp ngày 08/12/2011).

Trường hợp sau khi xử lý tài sản đảm bảo mà không đủ để thanh toán khoản nợ theo Hợp đồng tín dụng số TDCN22013308/2022/PDU/HĐTD ngày

27/6/2022 và khế ước nhận nợ số TDCN22013308/2022/PDU/KUNN ngày 30/6/2022 thì ông Nguyễn Ngọc C, bà Trần Thị M có trách nhiệm tiếp tục thanh toán số tiền còn thiếu của khoản nợ nêu trên cho Ngân hàng P.

Về chi phí tố tụng: ông Nguyễn Ngọc C, bà Trần Thị M cùng có nghĩa vụ hoàn trả cho Ngân hàng P số tiền là 5.000.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Về án phí: ông Nguyễn Ngọc C, bà Trần Thị M cùng chịu án phí dân sự sơ thẩm là 36.967.594 đồng (ba mươi sáu triệu chín trăm sáu mươi bảy ngàn chín trăm năm mươi bốn đồng). Hoàn lại cho Ngân hàng P số tiền tạm ứng án phí 34.258.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0033757 ngày 09/5/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện B.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- VKSND huyện B, TP.HCM;
- Chi cục THADS huyện B, TP.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Xuân Dũng